TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và giải quyết nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chiu.

2. Bà Hà Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bách - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Y Ker B'Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con và giải quyết nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H E Liêng, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Y G Long Ding, sinh năm 1981; địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Y B Uông; địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Anh Y Bh BKrông; địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

3.3. Chị Bùi Thị H; địa chỉ: Buôn D, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Người phiên dịch tiếng dân tộc M'Nông cho các đương sự: Bà H B Uông; dân tộc: M'Nông; địa chỉ và nơi công tác: Cán bộ Tư pháp UBND xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện ngày 18/12/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị H E Liêng trình bày: Vào năm 2002 giữa chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đã lấy nhau dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sống chung cùng với gia đình bố mẹ của chị H E Liêng tại Buôn B, xã Y, huyện L. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau chỉ được hạnh phúc khoảng thời gian 03 tháng, thì anh Y G đã thực hiện hành vi phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* cho người khác, đã bị xử phạt 03 năm tù. Đến năm 2005, thì anh Y G Long Ding đã chấp hành xong hình phạt tù; khi trở về địa phương sinh sống với gia đình, với buôn làng thì anh Y G không tu chí đi lao động chăm lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình mà vẫn quậy phá, không quan tâm chăm sóc đến vợ con, thường xuyên hay đi lang thang, chơi bời, đi sớm về khuya, nhậu nhẹt, rượu chè say xỉn, rồi về nhà chửi bới gây sự với vợ con, đánh đập vợ con nhiều lần, đập phá tài sản trong nhà; nguyên nhân từ đó vợ chồng dẫn đến xảy ra phát sinh mâu thuẫn quá lớn. Đến năm 2010 thì chị H E Liêng đi làm ăn ở Sài Gòn kiếm thêm tiền thu nhập để nuôi sống gia đình, cho con cái ăn học, nhưng anh Y G Long Ding vẫn không để cho chị H E yên tâm làm ăn mà còn ở nhà lại có hành vi dùng lời đe dọa giết con cái, ngăn cản xúi dục con cái bỏ học, từ những hành động của anh Y G đối xử với con cái đã nói trên, nên hiện nay con cái đều đã bỏ học và không được học hành; thấy vậy, thì chị H E mới về nhà đón cháu Y V Liêng để về Sài Gòn cùng sống chung với chị H E Liêng. Đến năm 2014, thì anh Y G Long Ding đã bỏ nhà đi lang thang không quay về sống chung với chị H E nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng anh Y G mỗi lần cũng có quay về nhà với chị H E nhưng anh Y G vẫn tính nào tật đó không thay đổi, rồi tiếp tục uống rượu say xỉn, quậy phá vợ con, đập phá tài sản trong nhà, đánh đập vợ con nhiều lần hoặc đổ trộn lẫn bắp mì với gạo trong hủ gạo không cho vợ con nấu cơm ăn; lần này vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn quá lớn; mặc dù chị H E Liêng và cả hai bên gia đình nội ngoại họ hàng đã khuyên ngăn, nhắc nhở anh Y G Long Ding nhiều lần hoặc nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp giải quyết nhưng vẫn không có kết quả. Chị H E Liêng cho thấy thực tế tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nữa, anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian qúa lâu từ năm 2014 cho đến nay, nếu có về đoàn tụ cũng khó có khả năng hạnh phúc lâu dài. Như vậy, chị H E Liêng xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng quá trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung với nhau lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó chị H E Liêng làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Y G Long Ding để giải phóng cho cả hai người được tự do, ổn định tư tưởng và yên tâm làm ăn sinh sống để chăm sóc, nuôi dưỡng con cái trưởng thành.

Về con chung: Quá trình sống chung với nhau chị H E Liêng và anh Y G Long Ding có một đứa con chung tên là Y V Liêng, sinh ngày 15/11/2006, hiện nay cháu Y V đang sinh sống cùng với chị H E Liêng tại TP. Hồ Chí Minh. Nguyện vọng của chị H E nếu ly hôn muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y V cho đến tuổi

trưởng thành. Chị H E Liêng không yêu cầu anh Y G Long Ding phải cấp dưỡng nuôi con. Còn một đứa cháu tên là H B Liêng *(Chị ruột của cháu Y V Liêng),* sinh ngày 23/8/2002 cùng sinh sống với gia đình chị H E Liêng và anh Y G Long Ding; hiện nay cháu H B Liêng cùng sinh sống với chị H E Liêng tại TP. Hồ Chí Minh. Nhưng, chị H E và anh Y G đã thừa nhận rằng và xác định đây không phải là con chung của hai vợ chồng mà là *(đứa con riêng của chị H E Liêng)* trước khi kết hôn với anh Y G Long Ding vào ngày 21/11/2002 nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị H E Liêng và anh Y G Long Ding có nợ anh Y B Uông 500.000 đồng, anh Y Bh B'Krông 1.000.000 đồng và chị Bùi Thị H 10.000.000 đồng. Nhưng, qúa trình giải quyết vụ án, giữa chị H E Liêng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y B Uông, anh Y Bh B'Krông và chị Bùi Thị H đã tự thỏa thuận giải quyết xong với nhau, các bên đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đều từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa. Đến ngày 11/4/2019 chị H E Liêng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu giải quyết nợ chung với anh Y G Long Ding là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Qua biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Y G Long Ding trình bày: Anh Y G Long Ding hoàn toàn thống nhất với ý kiến của chị H E Liêng đã trình bày trên đây, về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sống chung cùng với gia đình bố mẹ của chị H E tại Buôn B, xã Y, huyện L. Quá trình sống chung với nhau chỉ được hạnh phúc khoảng thời gian 03 tháng, thì anh Y G bị bắt đi chấp hành phạt tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* cho người khác. Đến đầu năm 2005, thì anh Y G đã chấp hành xong hình phạt tù; khi trở về địa phương sinh sống với gia đình thì anh Y G vẫn thừa nhận một phần là mình không quan tâm chăm sóc cho cuộc sống gia đình, cho vợ con, không tu chí đi lao động lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên theo bạn bè đi lang thang, chơi bời, nhậu nhẹt, rượu chè say xỉn điều đó là không thể tránh khỏi được. Nhưng anh Y G không có những hành vi quậy phá, đánh đập vợ con, có hành vi đe dọa giết con cái hoặc có hành động ngăn cản xúi dục con cái bỏ học như chị H E Liêng trình bày. Đến năm 2010, chị H E Liêng đã bỏ nhà đi làm ăn ở Sài Gòn từ đó đến nay không có liên lạc gì với anh Y G, hiện nay chị H E đã đi lấy chồng khác và đón cháu Y V Liêng cùng sống chung với vợ chồng chị H E Liêng tại Sài Gòn. Mặc dù hiện nay anh Y G đã xác định tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nhưng anh Y G vẫn không chấp nhận ly hôn với chị H E Liêng; với lý do nếu chị H E cương quyết ly hôn, anh Y G đòi hỏi buộc chị H E phải đưa số tiền 50.000.000 đồng cho anh Y G thì anh Y G mới chấp nhận đồng ý ly hôn với chị H E Liêng; ngoài ra anh Y G Long Ding không có yêu cầu gì khác.

Qua xác minh thực tế về tình trạng hôn nhân và gia đình của hai vợ chồng chị H E Liêng và anh Y G Long Ding, vào ngày 05/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, đã gặp ông Y P Liêng là buôn Phó buôn B, xã Y, huyện L cung cấp thông

tin về tình trạng hôn nhân và gia đình của chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đã sinh sống tại địa phương là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H E Liêng đã trình bày. Anh Y P cho biết, quá trình vợ chồng chị H E và anh Y G sống chung với nhau tại buôn B, xã Y chỉ được hạnh phúc khoảng một thời gian ngắn, rồi thấy anh Y G đi chấp hành án phạt tù về tội *"Cố ý gây thương tích"* cho người khác gì đó. Đến năm 2005, thì anh Y G Long Ding đã chấp hành xong hình phạt tù và quay trở về địa phương sinh sống với gia đình. Đến khi chị H E sinh cháu Y V Liêng vào năm 2006 thì thấy anh Y G có biểu hiện lười biếng, không tu chí chịu khó đi lao động chăm lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc đến vợ con mà thường xuyên hay đi lang thang, đi theo bạn bè tụ tập chơi bời, nhậu nhẹt, rượu chè say xỉn, rồi về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đập vợ con nhiều lần, đập phá tài sản trong nhà, quậy phá trong buôn làng, nguyên nhân từ đó vợ chồng dẫn đến xảy ra mâu thuẫn quá lớn. Đến khoảng năm 2017, thì thấy chị H E Liêng đi làm ăn ở Sài Gòn kiếm thêm tiền thu nhập để nuôi sống gia đình, cho con cái ăn học; nay vợ chồng chị H E và anh Y G sống chung như thế nào thì anh Y P không biết; ngoài ra anh Y P không cung cấp thêm thông tin nào khác về vợ chồng chị H E Liêng và anh Y G Long Ding.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng chị H E Liêng và anh Y G Long Ding vẫn không thống nhất quay về đoàn tụ được; nhất là anh Y G Long Ding trong lúc làm việc với Tòa án thì tỏ ra thái độ không chấp hành nghiêm túc, không hợp tác và không chịu làm bản tự khai, không chịu ký bất kỳ vào biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không có xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 217; Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng thôn, buôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ tiền án phí cho chị H E và anh Y G là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H E Liêng. Chị H E Liêng được ly hôn đối với anh Y G Long Ding.

- Về con chung: Giao cháu Y V Liêng, sinh ngày 15/11/2006 cho chị H E Liêng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Còn một đứa cháu tên là H B Liêng, sinh ngày 23/8/2002 cùng sinh sống với gia đình chị H E Liêng và anh Y G Long Ding. Hai bên đã thừa nhận và xác định đây không phải là đứa con chung của hai vợ chồng mà là *(đứa con riêng của chị H E Liêng)* trước khi kết hôn với anh Y G Long Ding vào ngày 21/11/2002, nhưng hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của chị H E Liêng đối với anh Y G Long Ding.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị H E Liêng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp*"Ly hôn, nuôi con và giải quyết nợ chung"* với anh Y G Long Ding. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Y G Long Ding có địa chỉ nơi cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đã lấy nhau dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L vào ngày 21/11/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H E Liêng và anh Y G Long Ding là hợp pháp, được pháp luật Nhà nước ta công nhận. Sau khi kết hôn chị H E Liêng và anh Y G Long Ding sống chung với nhau chỉ được hạnh phúc trong khoảng một thời gian 03 tháng, thì anh Y G đã thực hiện hành vi phạm tội *"Cố ý gây thương tích"* cho người khác, với hình phạt 03 năm tù. Đến năm 2005, anh Y G đã chấp hành xong hình phạt tù; sau khi trở về địa phương để sinh sống với gia đình thì nguyên nhân chủ yếu là do anh Y G không quan tâm chăm sóc đến vợ con, không tu chí đi lao động lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, mà còn thường xuyên hay đi lang thang, đi theo bạn bè tụ tập chơi bời, đi sớm về khuya, nhậu nhẹt, rượu chè say xỉn rồi về nhà chửi bới, xúc phạm, gây sự với vợ con, đánh đập vợ con nhiều lần. Đến khi chị H E sinh cháu Y V Liêng vào cuối năm 2006 thì anh Y G vẫn không chăm sóc đến mẹ con của chị H E mà thường xuyên hay đi chơi bời, uống rượu say xỉn; từ đó vợ chồng dẫn đến xảy ra phát sinh mâu thuẫn quá lớn. Đến năm 2010 thì chị H E Liêng đi làm ăn ở Sài

Gòn để kiếm thêm tiền thu nhập nuôi con cái ăn học, nhưng anh Y G Long Ding vẫn không để cho chị H E Liêng yên tâm làm ăn, ở nhà còn có hành vi đe dọa giết con cái và ngăn cản xúi dục con cái bỏ học, không cho đi học hành. Đến năm 2014, thì anh Y G Long Ding đã bỏ nhà đi lang thang không quay về sống chung với chị H E Liêng nữa, từ đó hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nhưng, trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng anh Y G cũng có quay về nhà với chị H E vài lần, nhưng anh Y G vẫn tính nào tật đó không thay đổi, uống rượu say xỉn rồi tiếp tục quậy phá vợ con, quậy phá trong Buôn làng, đập phá tài sản trong nhà và đánh đập vợ con nhiều lần hoặc đổ trộn lẫn giữa bắp mì với gạo không cho vợ con nấu cơm ăn, do đó vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn quá lớn; mặc dù chị H E Liêng và cả hai bên gia đình nội ngoại họ hàng đã khuyên ngăn, nhắc nhở anh Y G Long Ding nhiều lần hoặc nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Thực tế tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nữa, hiện nay anh chị đã sống ly thân với nhau thời gian qúa lâu từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người sinh sống ở mỗi nơi, do đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, không có biện pháp thích hợp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nếu có về đoàn tụ cũng khó có khả năng hạnh phúc lâu dài. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H E Liêng. Chị H E Liêng được ly hôn đối với anh Y G Long Ding là phù hợp.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh Y G Long Ding đã xác định tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nữa nhưng anh Y G vẫn không chấp nhận ly hôn với chị H E Liêng; với lý do nếu chị H E cương quyết ly hôn thì anh Y G buộc chị H E phải đưa số tiền 50.000.000 đồng cho anh Y G thì anh Y G mới chấp nhận đồng ý ly hôn với chị H E Liêng. Xét thấy, đây thể hiện là một hành vi tống tiền của anh Y G Long Ding đối với chị H E Liêng và chỉ là cái cớ để viện ra nhiều lý do nhằm mục đích, trì hoãn, kéo dài thời gian cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Qua xác minh thực tế về tình trạng hôn nhân và gia đình của chị H E Liêng và anh Y G Long Ding, ngày 05/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L là hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Y P Liêng là buôn Phó buôn B, xã Y, huyện L và phù hợp với lời khai của chị H E Liêng đã trình bày.

[5] Về con chung: Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding có một đứa con chung tên là Y V Liêng, sinh ngày 15/11/2006; hiện đang sinh sống cùng chị H E tại TP. Hồ Chí Minh. Xét thấy, nên cần giao cháu Y V Liêng, sinh ngày 15/11/2006 cho chị H E Liêng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Còn một đứa cháu tên là H B Liêng, sinh ngày 23/8/2002 cùng sinh sống với gia đình chị H E Liêng và anh Y G Long Ding. Hai bên đã thừa nhận và xác định đây không phải là đứa con chung của hai vợ chồng mà là *(đứa*

con riêng của chị H E Liêng) trước khi kết hôn với anh Y G Long Ding vào ngày 21/11/2002, nhưng hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Xét thấy qúa trình giải quyết vụ án, giữa chị H E Liêng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y B Uông, anh Y Bh B'Krông, chị Bùi Thị H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, các bên đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều từ chối tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Đến ngày 11/4/2019 chị H E Liêng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu giải quyết nợ chung với anh Y G Long Ding là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cần phải đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của chị H E Liêng đối với anh Y G Long Ding theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ.

Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020. Vì vậy, chị H E Liêng và anh Y G Long Ding được miễn toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 217, 220, 235; điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H E Liêng. Chị H E Liêng được ly hôn đối với anh Y G Long Ding.

2. Về con chung: Giao cháu Y V Liêng, sinh ngày 15/11/2006 cho chị H E Liêng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết nợ chung của chị H E Liêng đối với anh Y G Long Ding.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng Dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020. Chị H E Liêng và anh Y G Long Ding được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Y B Uông, anh Y Bh B'Krông, chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Phụng Ayun